



TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP
LIÊN ĐOÀN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

HỘI THẢO 06/04/2023

EVFTA và CPTPP

Cơ hội phát triển thị trường xuất khẩu cho doanh nghiệp Việt Nam

NGUYỄN THANH TRÀ

Trung tâm WTO và Hội nhập

Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)



Những nội dung chính

1

XUẤT KHẨU TẬN DỤNG CƠ HỘI TỪ THỊ TRƯỜNG CPTPP VÀ EVFTA

- Cơ hội
- Thách thức

2

THỰC TIỄN XUẤT KHẨU TẬN DỤNG CPTPP VÀ EVFTA

3

MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ



1

XUẤT KHẨU TẬN DỤNG CƠ HỘI TỪ THỊ TRƯỜNG CPTPP VÀ EVFTA

Các FTA mà Việt Nam là thành viên



STT	FTA	Hiện trạng	Thành viên
FTA đã có hiệu lực			
1	AFTA	Có hiệu lực từ 1993	ASEAN
2	ACFTA	Có hiệu lực từ 2003	ASEAN, Trung Quốc
3	AKFTA	Có hiệu lực từ 2007	ASEAN, Hàn Quốc
4	AJCEP	Có hiệu lực từ 2008	ASEAN, Nhật Bản
5	VJEPA	Có hiệu lực từ 2009	Việt Nam, Nhật Bản
6	AIFTA	Có hiệu lực từ 2010	ASEAN, Ấn Độ
7	AANZFTA	Có hiệu lực từ 2010	ASEAN, Australia, New Zealand
8	VCFTA	Có hiệu lực từ 2014	Việt Nam, Chile
9	VKFTA	Có hiệu lực từ 2015	Việt Nam, Hàn Quốc
10	VN – EAEU FTA	Có hiệu lực từ 2016	Việt Nam, Liên minh kinh tế Á Âu (gồm Nga, Belarus, Armenia, Kazakhstan, Kyrgyzstan)
11	CPTPP	Có hiệu lực với Việt Nam từ 1/2019	Việt Nam, Canada, Mexico, Peru, Chile, New Zealand, Australia, Nhật Bản, Singapore, Brunei, Malaysia
12	AHKFTA	Có hiệu lực với Việt Nam từ 6/2019	ASEAN, Hong Kong (Trung Quốc)
13	EVFTA	Có hiệu lực từ 08/2020	Việt Nam, EU (27 thành viên)
14	UKVFTA	Có hiệu lực từ 01/2021	Việt Nam, Vương quốc Anh và Bắc Ailen
15	RCEP	Có hiệu lực với Việt Nam từ 01/2022	ASEAN, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Australia, New Zealand
FTA đang đàm phán			
16	VN – EFTA FTA	Khởi động đàm phán tháng 5/2012	Việt Nam, EFTA (Thụy Sĩ, Na Uy, Iceland, Liechtenstein)
17	VN – Israel FTA	Khởi động đàm phán tháng 12/2015	Việt Nam, Israel
18	ACAFTA	Khởi động lại đàm phán 2022	ASEAN, Canada

❑ Hiệp định Thương mại Tự do (FTA)

- Cam kết loại bỏ phần lớn rào cản đối với thương mại giữa các Bên, đặc biệt về thuế quan
- FTA với nhiều đối tác mới của Việt Nam

❑ FTA thế hệ mới

- Thương mại tại biên giới (hàng hóa, dịch vụ, đầu tư)
- Các quy tắc nội địa (sở hữu trí tuệ, cạnh tranh, thương mại điện tử...)

❑ Quy mô

FTA	Thành viên	Quy mô dân số	Tỷ trọng GDP toàn cầu
CPTPP	<ul style="list-style-type: none">- 11 thành viên- 10 thành viên đã phê chuẩn [Canada, Mexico, Nhật Bản, Singapore, Australia, New Zealand, Việt Nam, Peru, Malaysia, Chile]- Khác? [Anh, Trung Quốc...]	500 triệu	13,5%
EVFTA	<ul style="list-style-type: none">- Việt Nam và 27 nền kinh tế thành viên EU- Vương quốc Anh [đến 31/12/2020] -> UKVFTA	550 triệu	18%

Đặc điểm đối tác

FTA	Trình độ phát triển	Cơ cấu kinh tế	Các FTA chung khác
CPTPP	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm phát triển - Nhóm đang phát triển 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm bổ sung - Nhóm cạnh tranh 	FTA ASEAN FTA ASEAN+ VJEPA, VCFTA RCEP
EU	Phát triển	Bổ sung	Chưa



Phạm vi

Vấn đề cam kết	CPTPP	EVFTA
Thuế quan và các biện pháp phi thuế		
Quy tắc xuất xứ		
Hải quan và Tạo thuận lợi thương mại		
Phòng vệ thương mại		
Các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật		
Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại		
Dịch vụ		
Đầu tư		
Thương mại điện tử		
Mua sắm công		
Cạnh tranh		
Doanh nghiệp Nhà nước		
Sở hữu trí tuệ		
Lao động, Môi trường		
Phát triển bền vững khác		
SME		
Chống tham nhũng		



Cơ hội trong thương mại hàng hóa (1)



Cam kết thuế quan đối với hàng XK Việt Nam

Mức cam kết	EU cam kết cho VN trong EVFTA	Đối tác cam kết cho VN trong CPTPP
Xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực	85,6% số dòng thuế	78-95% số dòng thuế
Xóa bỏ thuế quan theo lộ trình	99,2% số dòng thuế	97-100% số dòng thuế
Lộ trình	Thường: 3-7 năm Nhạy cảm: Hạn ngạch thuế quan	Thường: 5-10 năm Nhạy cảm: Trên 10 năm hoặc hạn ngạch thuế quan



Cơ hội trong thương mại hàng hóa (2)

Cam kết thuế quan đối với hàng NK vào Việt Nam

Mức cam kết	VN cam kết cho EU trong EVFTA	VN cam kết cho Đối tác trong CPTPP
Xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực	48,5% số dòng thuế	65,8% số dòng thuế
Xóa bỏ thuế quan theo lộ trình	07 năm: 91,8% số dòng thuế 10 năm: 98,3% số dòng thuế	04 năm: 86,5% số dòng thuế 11 năm: 97,8% số dòng thuế
Lộ trình	Thường: 07-10 năm Nhạy cảm: <ul style="list-style-type: none">- Hạn ngạch thuế quan hoặc- Không cam kết (một số dòng ô tô nguyên chiếc)	Thường: 4-11 năm Nhạy cảm: <ul style="list-style-type: none">- Lộ trình 16 năm hoặc- Hạn ngạch thuế quan

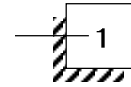


Quy tắc xuất xứ

Vấn đề	CPTPP	EVFTA
Quy tắc xuất xứ	<p>03 trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none">- Có XX thuần túy một nước- Có XX toàn bộ trong khu vực CPTPP- Có sử dụng nguyên liệu không XX CPTPP nhưng đáp ứng PSR	<p>02 trường hợp</p> <ul style="list-style-type: none">- Có XX thuần túy- Có XX đáp ứng PSR <p>Cộng gộp xuất xứ: Hàn Quốc, ASEAN?</p>
Thủ tục chứng nhận xuất xứ (VN)	<ul style="list-style-type: none">- Cấp C/O bởi cơ quan có thẩm quyền (05 năm đầu, có thể gia hạn)- Tự chứng nhận xuất xứ (ngay/sau khi hết hạn)	<ul style="list-style-type: none">- Cấp C/O bởi cơ quan có thẩm quyền- Tự chứng nhận xuất xứ (khi VN thấy sẵn sàng)

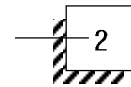


Cơ hội giảm hàng rào phi thuế



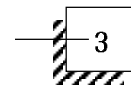
Các cam kết ràng buộc để tránh lạm dụng

- Các quy định về ghi nhãn
- Các biện pháp hạn chế nhập khẩu



Cam kết giảm bớt các thủ tục

- Bỏ thủ tục thanh tra cơ sở sản xuất xuất khẩu với các trường hợp đáp ứng điều kiện (EVFTA)
- Bỏ thủ tục hợp pháp hóa lãnh sự
- Nỗ lực công nhận tương đương
- Quản lý rủi ro đối với hàng hóa xuất-nhập khẩu



Cam kết tăng các cơ chế hợp tác

- Cơ chế minh bạch các biện pháp SPS khẩn cấp
- Cơ chế hỗ trợ kỹ thuật (EVFTA)



1

Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ

- Nhãn hiệu thương mại
- Chỉ dẫn địa lý

2

Thực thi quyền sở hữu trí tuệ

- Thực thi quyền SHTT tại biên giới với hàng giả mạo nhãn hiệu
- Có thể xử lý hình sự đối với hành vi (i) Cố ý XK, NK hàng giả mạo nhãn hiệu ở quy mô thương mại hoặc nhằm thu lợi nhuận; (ii) Cố ý NK và sử dụng nhãn, bao gói giả mạo ở quy mô thương mại hoặc nhằm thu lợi nhuận

1 Thu hút đầu tư FDI

- Mở cửa mạnh cho đầu tư vào sản xuất
- Mở cửa cho dịch vụ phục vụ sản xuất
- Sức hấp dẫn của mạng lưới FDI

2 Giảm chi phí đầu vào

- Nguồn cung máy móc, thiết bị nhập khẩu tốt hơn, giá hợp lý hơn
- Giá dịch vụ (logistics, tài chính...) dễ chịu hơn dưới tác động cạnh tranh mở cửa thị trường dịch vụ



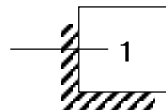
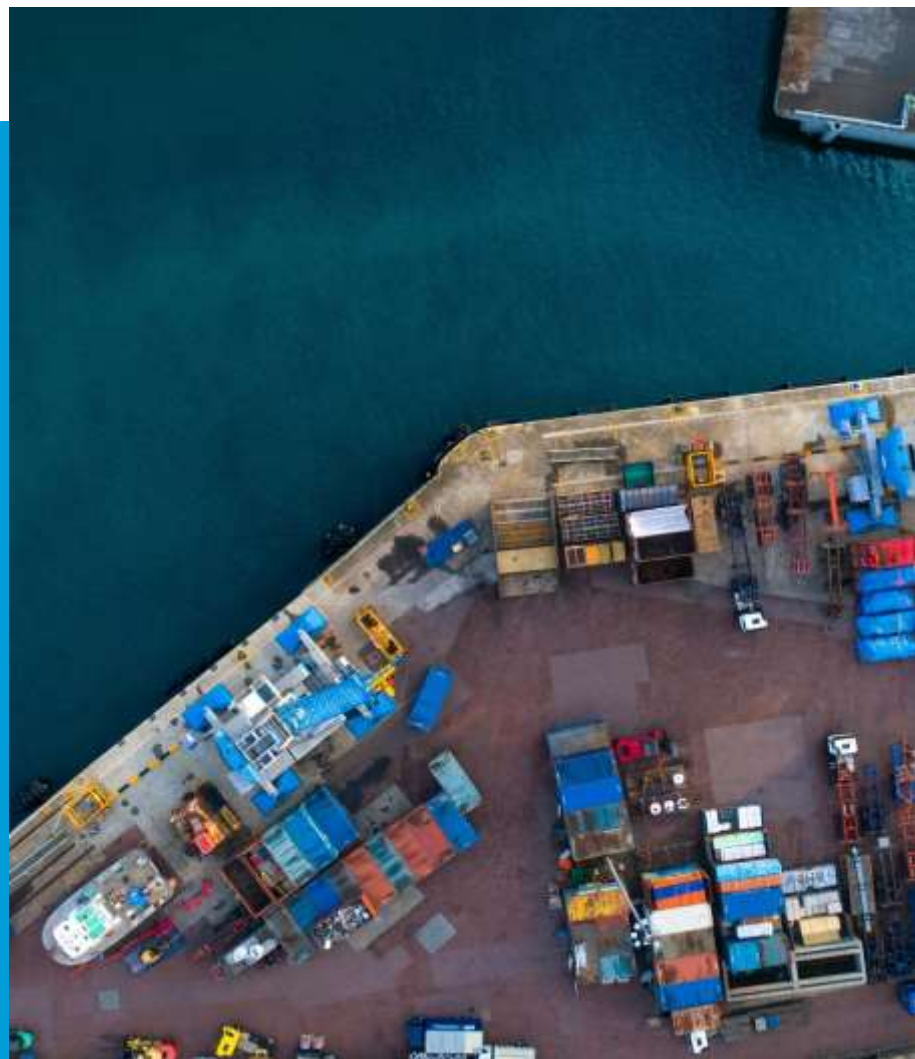
3 Gia tăng các kênh tiếp cận thị trường

- Tiếp cận các kênh phân phối (bán buôn, bán lẻ) của Đối tác FTA
- Quyền tham gia các gói thầu mua sắm công của các Đối tác FTA

4 Cơ hội từ môi trường đầu tư kinh doanh

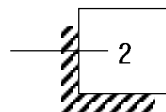
- Các cải cách thể chế theo cam kết FTA
- Các biện pháp hỗ trợ nâng cao năng lực để tận dụng các FTA (các Kế hoạch thực thi FTA)

Thách thức (1)



Chủ quan

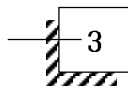
- Khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn TBT, SPS và yêu cầu về QTXX của Đối tác FTA
- Chi phí tuân thủ các cam kết FTA (về lao động, môi trường, SHTT...)
- Năng lực xúc tiến thương mại, tiếp cận khách hàng
- Hạn chế khác về sản phẩm (i) chất lượng; (ii) bao bì nhãn mác; (iii) tính ổn định (chất lượng, nguồn cung...); (iv) khả năng đáp ứng khối lượng lớn



Khách quan

- Thủ tục hành chính, đặc biệt là XNK, của VN vẫn còn bất cập
- Đàm phán giấy phép nhập khẩu (đối với một số loại nông sản tươi) còn chậm

Thách thức (2)



Từ bối cảnh bên ngoài

- Gia tăng các biện pháp TBT, SPS ở một số Đối tác FTA (EU với CBAM...)
- Các tác động bất lợi từ chiến sự Nga-Ukraine, suy thoái kinh tế toàn cầu (tỷ giá, vận chuyển...)
- Xu hướng bảo hộ phức tạp (các biện pháp phòng vệ, biện pháp hạn chế khác...)



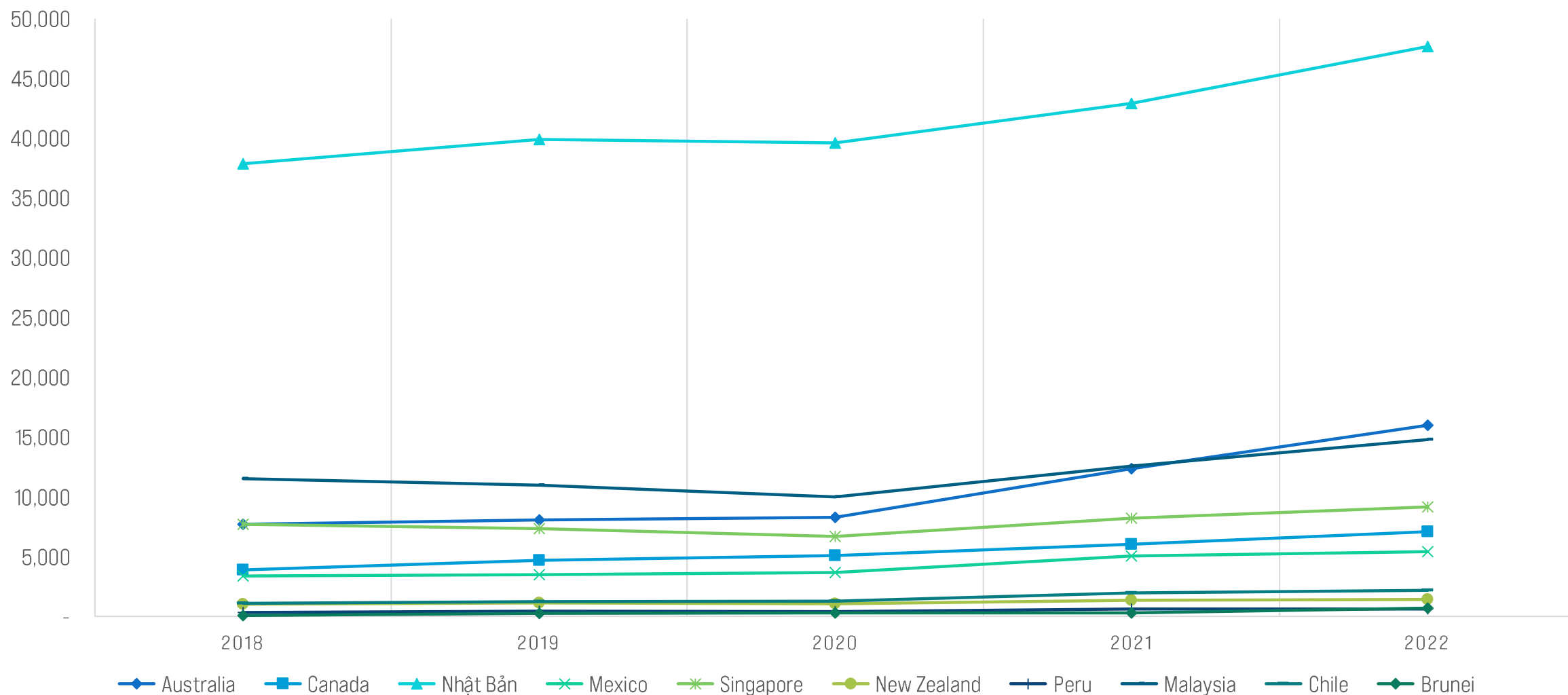
2

THỰC TIỄN XUẤT KHẨU TẬN DỤNG CPTPP VÀ EVFTA



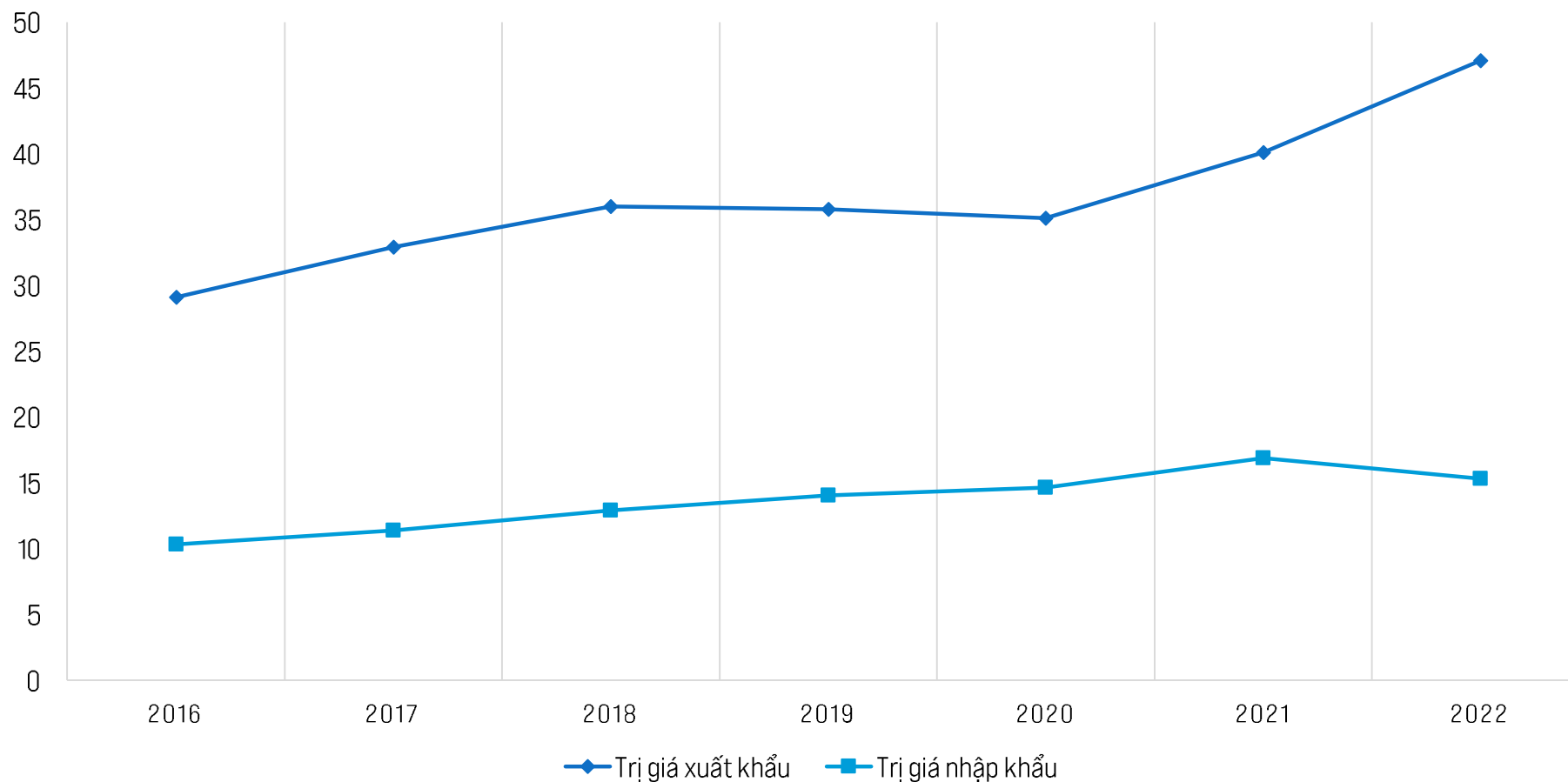
Tác động thực tế (1)

Kim ngạch xuất nhập khẩu với các nước CPTPP giai đoạn 2018 - 2022 (Đơn vị: triệu USD)



Tác động thực tế (2)

Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa với EU giai đoạn 2016-2022 (Đơn vị: tỷ USD)



Thực tế tận dụng C/O ưu đãi

Hiệp định	Kim ngạch XK sử dụng C/O ưu đãi (tỷ USD)		Tổng kim ngạch XK (tỷ USD)		Tỷ lệ tận dụng ưu đãi FTA (%)													
	2020	2021	2020	2021	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012-2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
ASEAN (Mẫu D)	8,974	11,557	23,132	28,861	7,1	9,4	12,8	11,4	14,1	20,2	-	24,2	30	30	34	35,17	38,8	40
ACFTA (Mẫu E)	15,522	18,971	48,905	56,010	8,9	6,3	9,8	21,7	25,2	23,1	-	32,2	31	26	29	31,57	31,7	33,9
AKFTA (Mẫu AK) VKFTA (Mẫu VK)	9,954	11,176	19,107	21,945				79,05	65,8	90,8	-	59,6	56	51	35	49,78	52,1	50,9
AANZFTA (Mẫu AANZ)	1,657	2,021	4,119	5,157					8,9	15,9	-	28,1	34	33	34	38,16	40,2	39,2
AJCEP (Mẫu AJ) VJEP (Mẫu VJ)	7,3176	6,987	19,284	20,129				27,8	30,5	31,2	-	34	35	35	30	38,11	37,9	34,7
VCFTA (Mẫu VC)	0,6665	1,023	1,018	1,656							-	56,9	64	69	67	67,72	65,5	61,8
AIFTA (Mẫu AI)	3,666	4,301	5,235	6,259					2,4	7,4	-	32	43	48	72	65,13	70	68,7
VN – EAEU FTA (Mẫu EAV)	0,907	1,249	3,066	3,203							-		6	22	28	31	29,6	39
Lào (Mẫu S)	0,065	0,061	0,572	0,595							-		10	10	10	9,59	11,4	10,3
Campuchia (Mẫu X)	0	0	4,149	4,831							-		0	0	0,02	0,01	0	0
AHKFTA (Mẫu AHK)	0,005	0,012	10,437	11,996													0,05	0,1
CPTPP (Mẫu CPTPP)	1,367	2,515	33,99	39,65												1,67	4	6,3
VN-Cuba (Mẫu VN-CU)	0,0005	0,123	0,09998	-													0,5	-
EVFTA (Mẫu EUR.1)		8,095		40,122														20,2
UKVFTA (Mẫu EUR.1 UK)		0,991		5,766														17,2
Tổng cộng	52,758	69,082	159,519	211,498									36	34	39	37,2	33,1	32,7



Tỷ lệ tận dụng ưu đãi trong 10 tháng đầu năm 2022:

- CPTPP: 6,7%
- EVFTA: 25,1%

Nguồn: Trung tâm WTO và Hội nhập VCCI tổng hợp từ số liệu của Bộ Công Thương và Tổng cục Hải quan



3

MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ



Về FTA

- Cơ hội từ FTA (đặc biệt là thuế quan)
- Điều kiện tận dụng (Quy tắc xuất xứ, các điều kiện khác)



Về thị trường

- Đặc điểm thị trường
- Các yêu cầu của thị trường
- Tình hình cập nhật (cảnh báo, xu hướng)



Về cách thức

- Tự mình sản xuất, xuất khẩu
- Tham gia vào chuỗi sản xuất xuất khẩu của DN đầu mối

Nguồn tra cứu



CPTPP

<https://trungtamwto.vn/fta/175-cptpp-/1>



Thông tin thị trường

<https://trungtamwto.vn/market>



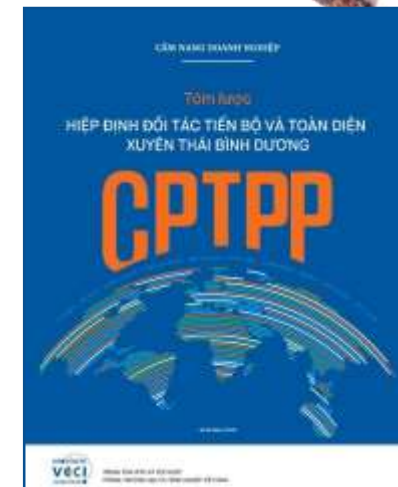
EVFTA

<https://trungtamwto.vn/fta/199-viet-nam--eu-evfta/1>



Các FTA khác

<https://trungtamwto.vn/fta>



Xin cảm ơn!

TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP
LIÊN ĐOÀN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

ADDRESS

9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

PHONE NUMBER

024 3577 1458

EMAIL ADDRESS

banthuky@trungtamwto.vn

WEBSITE

trungtamwto.vn / wtocenter.vn

